SAO Y; HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI; Thời gian ký: 2025-12-15T14:01:01+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 27 /2025/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi bảo đảm cho công tác thoả thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thoả thuận quốc tế số 70/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 65/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 177/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 43/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Xét Tờ trình số 357/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 160/BC-BVHXH ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác thoả thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 43/2022/TT-BTC;

b) Các nội dung, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC và các quy định khác liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế

1. Các nội dung chi, mức chi cho công tác thỏa thuận quốc tế thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính tại các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành. Cụ thể như sau:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác phí trong nước: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định về chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai.

b) Chi rà soát liên quan đến thoả thuận quốc tế quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế: Thực hiện theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái Quy định một số mức chi bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

c) Chi tuyên truyền, phổ biến thoả thuận quốc tế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 61/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Các mức chi có tính chất đặc thù bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai:

a) Chi xây dựng hồ sơ trình đề xuất ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP *(tính cho sản phẩm hồ sơ cuối cùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt)*: Mức chi 10.000.000 đồng/01 bộ hồ sơ;

b) Chi soạn thảo mới dự thảo thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP *(tính cho sản phẩm là thỏa thuận quốc tế cuối cùng được ký kết)*: Mức chi 5.000.000 đồng/văn bản;

c) Chi xây dựng báo cáo tình hình ký kết và thực hiện thoả thuận quốc tế theo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP *(tính cho sản phẩm cuối cùng)*: Mức chi 3.000.000 đồng/báo cáo.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái Quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

3. Số thứ tự 29 Mục II.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Trịnh Việt Hùng